

CÁC GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Hội thảo lấy ý kiến góp ý dự án Luật Công nghiệp công nghệ số

Thứ Năm ngày 29 tháng 8 năm 2024

Địa điểm: Phòng họp 330, Trụ sở làm việc các cơ quan Quốc hội, 22 Hùng Vương

Kính thưa Ông Lê Quang Huy, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

Kính thưa Ông Nguyễn Phương Tuấn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban KH&CN&MT của Quốc hội

Kính thưa Lãnh đạo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các quý vị đại biểu,

Thay mặt Hội đồng Kinh doanh Hoa Kỳ- ASEAN và các công ty thành viên, tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo quý Ủy ban và VCCI đã tổ chức buổi Hội thảo ngày hôm nay. Hội đồng trân trọng cơ hội được đóng góp với quý Ủy ban về dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số. Chúng tôi được biết quý Ủy ban và các Bộ ngành liên quan đang làm việc gấp rút để kịp trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét cho ý kiến trước khi đưa ra thảo luận tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV dự kiến diễn ra vào tháng 10 năm nay. Hội đồng đánh giá cao Bộ Thông tin và Truyền thông đã có sáng kiến xây dựng dự thảo Luật Công nghiệp Công nghệ số (“dự thảo Luật”) để khẳng định giá trị pháp lý của ngành công nghiệp công nghệ số, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số. Chúng tôi hoan nghênh việc cơ quan soạn thảo luôn sẵn sàng lắng nghe ý kiến của các doanh nghiệp thành viên USABC, các chủ thể và đối tượng chịu tác động của dự thảo Luật này. Trong khuôn khổ cuộc hội thảo hôm nay, chúng tôi xin phép sẽ tập trung trình bày một số ý kiến và khuyến nghị chính như sau:

1. Tránh nhầm lẫn, chồng chéo giữa dự thảo Luật Công nghiệp Công nghệ số và các luật hiện hành khác

Việc hài hòa các định nghĩa và quy định trong dự thảo Luật với các luật hiện hành là rất quan trọng để duy trì tính nhất quán và tránh nhầm lẫn. Chúng tôi nhận thấy rằng quy định tại dự thảo Luật này có khả năng chồng chéo với các quy định khác của Luật Dữ liệu, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Giao dịch điện tử và Nghị định Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân.

2. Sửa đổi từ ngữ và thu hẹp phạm vi của một số điều khoản

Trong bản dự thảo, từ ngữ và phạm vi quá rộng của một số điều khoản có thể gây ra sự mơ hồ, không rõ ràng cho doanh nghiệp để tuân thủ và từ đó dẫn đến gánh nặng hành chính. Do vậy, chúng tôi đề xuất sửa đổi từ ngữ và làm rõ phạm vi một số điều khoản để dự thảo luật trở nên rõ ràng hơn. Chúng tôi sẽ gửi các khuyến nghị cụ thể này bằng văn bản tới cơ quan soạn thảo.

3. Về công nghệ số

Việc khái niệm “công nghệ số” được định nghĩa khá rộng và bao gồm các công nghệ đa dạng và đang phát triển nhanh chóng như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data) và chuỗi khối (blockchain) dẫn tới quan ngại về khả năng dự thảo Luật đưa ra các quy định vượt quá mức cần thiết.

Đề xuất: Để thúc đẩy sự đổi mới và khả năng thích ứng trong bối cảnh công nghệ số đang thay đổi rất nhanh chóng, chúng tôi kiến nghị Việt Nam áp dụng cách tiếp cận linh hoạt. Các yêu cầu chung và tối giản đối với hoạt động kinh doanh sẽ tạo môi trường thuận lợi hơn cho sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số.

Ví dụ: **Điều 17 và Điều 18** trong Dự thảo quy định Bộ TT&TT sẽ ban hành quy chuẩn kỹ thuật, quy định bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động công nghiệp công nghệ số. Các Bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực của mình chịu trách nhiệm áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn công nghiệp công nghệ số đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số ứng dụng trong ngành, lĩnh vực của mình phụ trách.

Có vẻ như Dự thảo Luật đang đưa ra các quy định chồng chéo về tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng đối với các sản phẩm và dịch vụ công nghệ số. Việt Nam đã có các luật cụ thể điều chỉnh tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm công nghệ thông tin như Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nên việc dự thảo Luật này đưa thêm các tiêu chuẩn khác có thể gây nhầm lẫn, tăng gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp, cũng như khả năng mâu thuẫn chồng chéo trong hệ thống pháp luật. Để tinh giản các quy định và giảm chi phí tuân thủ, chúng tôi kiến nghị bỏ Điều 17 và Điều 18 hoặc điều chỉnh nội dung các điều khoản này cho phù hợp với các tiêu chuẩn và quy định hiện hành. Điều này sẽ tránh được sự trùng lặp không cần thiết và bảo đảm khung pháp lý rõ ràng cho ngành công nghiệp công nghệ số.

Điều 37: Trách nhiệm cung cấp, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số.

Việc yêu cầu doanh nghiệp công nghệ số cung cấp, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước gây quan ngại về gánh nặng hành chính tiềm ẩn và mục tiêu thu thập dữ liệu không rõ ràng. Hơn nữa, thông tin về hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI)/sản phẩm/nghiên cứu và phát triển (R&D)/nhân sự có thể là bí mật thương mại và việc yêu cầu phải tiết lộ, cung cấp thông tin trên có thể ngăn cản sự đổi mới của doanh nghiệp. Ngoài ra, đối với các công ty cung cấp nhiều dịch vụ, việc cập nhật hàng năm các thông tin được tiết lộ liên quan đến từng sản phẩm là điều không thể.

Chúng tôi kiến nghị bỏ quy định yêu cầu cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu. Nếu cần có dữ liệu cụ thể cho mục đích hoạch định chính sách hoặc nghiên cứu thì nên triển khai các sáng kiến thu thập dữ liệu cụ thể với mục tiêu rõ ràng và áp dụng nguyên tắc giảm thiểu dữ liệu.

4. Về công nghệ mới như AI

Với bản chất phát triển nhanh chóng của công nghệ AI, các quy định AI quá khắt khe và áp đặt có thể hạn chế nhiều ứng dụng có lợi của AI. Do đó, chúng tôi cho rằng việc cân bằng các rủi ro tiềm ẩn với lợi ích xã hội là rất quan trọng khi xây dựng các quy định về AI.

Chúng tôi khuyến nghị ban soạn thảo cân nhắc các biện pháp thực hành tốt nhất sau đây khi soạn thảo các quy định về AI:

Bổ sung định nghĩa rõ ràng cho các công nghệ mới

AI là một lĩnh vực mới đặt ra những thách thức về quản lý không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với các khu vực khác trên thế giới. Chúng tôi khuyến nghị bổ sung định nghĩa đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) và thiết lập định nghĩa rõ ràng cho các hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) có rủi ro cao.

Áp dụng khuôn khổ quản lý dựa trên rủi ro và có tính cân xứng

Quy định nên bao gồm hướng dẫn về các trường hợp sử dụng được phân loại dựa trên rủi ro và thể hiện mục tiêu là giảm thiểu mức độ nghiêm trọng của tác hại đồng thời giảm khả năng xảy ra. Các cơ quan quản lý cũng nên tập trung vào việc xây dựng các yêu cầu tài liệu về các trường hợp sử dụng có rủi ro cao, tránh gánh nặng hành chính cho các trường hợp có rủi ro thấp.

Nghĩa vụ rõ ràng và có tính phân biệt

Trách nhiệm giữa nhà phát triển, người triển khai và người dùng cần được phân biệt rõ ràng, và xem xét bên nào ở vị thế phù hợp nhất để lường trước rủi ro và tác hại trong việc ứng dụng AI. Chúng tôi cho rằng trách nhiệm tiên hành đánh giá rủi ro thuộc về tổ chức triển khai ứng dụng AI, vì các tổ chức này có kinh nghiệm trong việc đánh giá bối cảnh dự kiến trong việc ứng dụng AI.

Thực hiện phương pháp tiếp cận theo ngành dựa trên các quy định hiện hành

Quy định về AI nên tập trung vào tính ứng dụng cụ thể thay vì tính khoa học do tính ứng dụng của AI rất đa dạng và tác động của AI đối với con người và tổ chức là không giống nhau. Do đó chúng tôi cho rằng các quy định về AI nên được xây dựng thông qua các phương pháp tiếp cận theo ngành tận dụng kiến thức chuyên môn về quy định hiện hành và khuôn khổ pháp lý trong các lĩnh vực cụ thể.

Bảo vệ quyền truy cập vào dữ liệu công khai

Để thúc đẩy đổi mới AI, các cơ quan quản lý không nên hạn chế quyền truy cập vào dữ liệu công khai thường được sử dụng để đào tạo mô hình AI vì các dữ liệu này là nền tảng giúp xây dựng chất lượng và chức năng của mô hình. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nên thúc đẩy các tập dữ liệu mở, bao gồm các tập dữ liệu của Chính phủ có thể được sử dụng để thúc đẩy đổi mới AI.

Thúc đẩy cách tiếp cận nhằm nâng cao sự tương tác chung với các tiêu chuẩn và quản trị về AI

Chúng tôi khuyến nghị ban soạn thảo xem xét các hướng dẫn AI Hiroshima của G7, các nguyên tắc AI của OECD và Hướng dẫn ASEAN về Đạo đức và Quản trị AI cũng như các tiêu chuẩn đồng thuận tự nguyện dựa trên các kinh nghiệm chuyên môn rộng rãi cho các chế độ tự quản lý và đồng quản lý.

5. Các biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển ngành bán dẫn

- Nhóm biện pháp hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí sản xuất:

Chúng tôi mong muốn các biện pháp hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí sẽ được quy định rõ trong Luật CNCNS.

Chúng tôi đề xuất các biện pháp hỗ trợ chi phí sau để khuyến khích đầu tư, phát triển ngành bán dẫn:

- Hỗ trợ chi phí điện năng, năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo.
- Hỗ trợ chi phí sản xuất bán dẫn (FAB) hoặc chi phí sản xuất lắp ráp, đóng gói, thử nghiệm sản phẩm bán dẫn (ATP)
- Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển
- Hỗ trợ chi phí tài sản cố định cho dự án đầu tư mới hoặc mở rộng

- Biện pháp hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp, đóng gói, kiểm thử: là biện pháp được nhiều nước áp dụng trong thời gian qua đối với các dự án lớn, nhiều tỷ Đô.

Điều 59, khoản 3c: quy định khung pháp lý, cho phép sử dụng ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để hỗ trợ chi phí đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp, đóng gói, kiểm thử bán dẫn.

Chúng tôi kiến nghị xem xét bổ sung: (i) thẩm quyền xét hỗ trợ thuộc Bộ hoặc địa phương đối với các loại hình dự án cụ thể; (ii) mức hỗ trợ/loại hỗ trợ nào được trích từ ngân sách trung ương hoặc ngân sách địa phương, (iii) cơ chế hỗ trợ

- Các biện pháp khuyến khích đầu tư dựa trên thuế thu nhập:

Thuế nhà thầu: Lĩnh vực bán dẫn là một lĩnh vực phức tạp bao gồm nhiều công đoạn từ nhà máy sản xuất thiết kế gốc (ODM) đến nhà máy sản xuất thiết bị gốc (OEM). Các tập đoàn ODM sẽ bán các thiết bị (như chip, board mạch, v.v.) cho các tập đoàn OEM (Dell, HP) để sản xuất thiết bị. Các nhà máy là doanh nghiệp chế xuất của tập đoàn ODM và OEM sẽ đặt gần nhau. Các tập đoàn ODM sẽ bán thiết bị cho OEM ở nước ngoài và thực hiện giao hàng giữa các nhà máy hoặc giao vào kho ngoại quan ở trong cùng một quốc gia để đảm bảo nguồn cung cũng như tối ưu hóa thời gian và chi phí vận chuyển lưu kho. Hoạt động giao hàng này sẽ không chịu thuế nhà thầu ở các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, theo tập quán và quy định về thuế nhà thầu hiện hành tại Việt Nam, việc bán hàng ở nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam như trên sẽ chịu thuế nhà thầu. Điều này đã buộc các tập đoàn ODM phải xuất hàng ra nước ngoài và nhập lại vào Việt Nam để giao cho các nhà máy của OEM tại Việt Nam.

USABC đề xuất Quốc hội/Chính phủ Việt Nam xem xét điều chỉnh quy định về thuế nhà thầu để hỗ trợ các tập đoàn ODM và OEM giảm chi phí và thời gian vận chuyển, lưu kho của các nhà máy tại Việt Nam cũng như phù hợp với tập quán quốc tế và duy trì lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút các tập đoàn này mở rộng sản xuất tại Việt Nam.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Điều 44 khoản 2a quy định ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, dự án trí tuệ nhân tạo được hưởng ưu đãi cao nhất về thuế suất, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tuy nhiên Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 107 để áp dụng chính sách thuế tối thiểu toàn cầu ở mức 15% từ năm 2024 đối với các tập đoàn có tổng doanh thu toàn cầu từ 750 triệu EUR trở lên. Như vậy, các chính sách ưu đãi thuế TNDN và tăng giảm trừ chi phí R&D lên 150% sẽ trở nên kém hấp dẫn đối với các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt là các tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bán dẫn trên thế giới.

Chúng tôi kiến nghị Quốc hội xem xét áp dụng Khấu trừ Thuế được hoàn đạt chuẩn (Qualified refundable Tax credits- QRTC) phù hợp với quy định của OECD để đảm bảo năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực sản xuất bán dẫn trên thế giới.

Thuế thu nhập cá nhân: Điều 45, khoản 2e quy định ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân là một trong các biện pháp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước. Tuy nhiên, để đảm bảo biện pháp đủ hấp dẫn, khả thi và minh bạch, chúng tôi có đề xuất như sau:

- a. Xác định **tiêu chí cụ thể** để xác định chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt được miễn thuế TNCN trong thời hạn 5 năm; xem xét mở rộng đối tượng, gồm cả các nhân viên kỹ thuật, nhân viên vận hành máy, ...
- b. Nêu rõ ưu đãi cao nhất về thuế TNCN đối với nhân lực công nghệ số chất lượng cao khi tham gia vào các hoạt động thiết kế, sản xuất các sản phẩm công nghệ số trọng điểm, trọng yếu trong công nghiệp bán dẫn, cụ thể là những ưu đãi nào.